



TỈNH BẠC LIÊU

Tài liệu

SINH HOẠT CHI ĐOÀN THĂNG 01

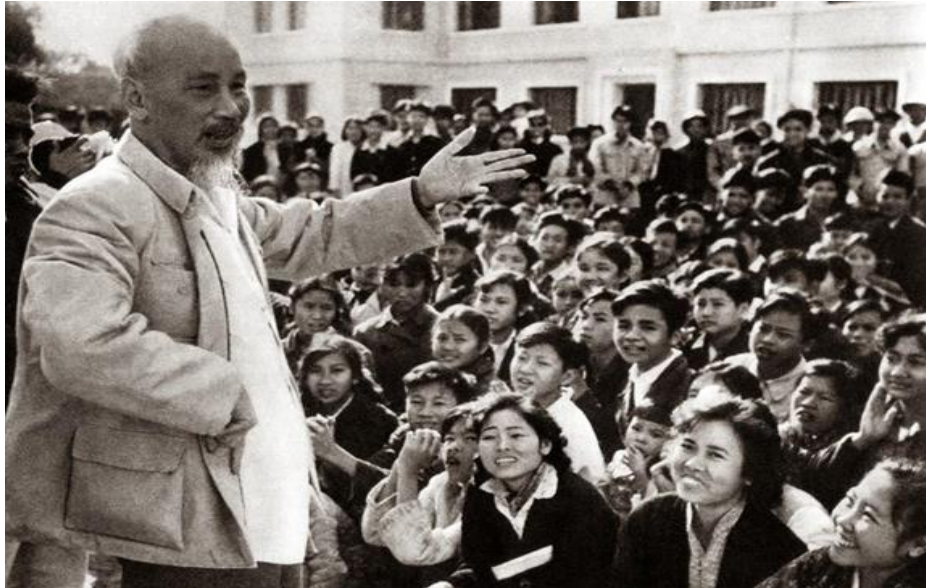


BIÊN TẬP: BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ĐOÀN BẠC LIÊU

I. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

Bác Hồ dành cho học sinh, sinh viên Việt Nam

Với bất kì quốc gia nào trên thế giới, thanh niên, học sinh, sinh viên chính là tương lai của đất nước, là lực lượng nòng cốt để xây dựng đất nước giàu mạnh, phát triển. Chính vì vậy, lúc sinh thời, Bác Hồ hết sức quan tâm tới học sinh, sinh viên - thế hệ tương lai của đất nước của nước nhà.



Khoảng tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư gửi các em học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam, Bác đã khẳng định: *“Nước nhà trông mong, chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có thể trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu”*.

Theo Bác, công tác giáo dục thế hệ trẻ ngay từ bậc mầm non, tiểu học có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành, rèn luyện đạo đức và nhân cách con người đồng thời cung cấp kiến thức, kỹ năng để trẻ có nền tảng phát triển. Bác đã nói, cách dạy trẻ phải *“giữ toàn vẹn cái tính vui vẻ, hoạt bát, tự nhiên, tự động, trẻ trung của chúng, chớ nên làm cho chúng hóa ra những người già sớm”*. Bác thường nhắc nhở: *“chớ gò ép thiếu nhi vào khuôn khổ của người lớn”*. Tư tưởng tiên bộ đó của Bác đã cho chúng ta nhận thấy giá trị quan trọng của công tác giáo dục nhi đồng nói riêng và sự nghiệp giáo dục nói chung – sự nghiệp đó phải thực sự khoa học và nghiêm cách.

Đối với việc chăm lo đào tạo, giáo dục và bồi dưỡng thanh niên, trong đó có lớp thanh niên trí thức - những thanh niên, sinh viên đang được đào tạo từ các trường đại học, cao đẳng được Bác dành sự quan tâm đặc biệt. Ở lứa tuổi thanh niên, sinh viên, việc giáo dục đào tạo không phải là *“cầm tay chỉ việc”*, uốn nắn từng chút một, mà quan trọng là phải truyền được cho các em tinh thần tự học, tự khám phá, chủ động, sáng tạo, giúp các em định hướng được mục đích của việc tự học tập, tự xác định được con đường phấn đấu cho tương lai. Chỉ như

vậy các em mới có thể kiên trì trên con đường học tập theo phương châm “*học, học nữa, học mãi*” của lãnh tụ Lê nin vĩ đại.

Bác yêu cầu sinh viên: “*Phải hiểu rõ học thế nào? Học cái gì? Học để làm gì?*”. Tại Đại hội sinh viên Việt Nam lần thứ II, ngày 7/5/1958, Bác nhấn mạnh: “*Đối với thanh niên trí thức như các cháu ở đây thì cần đặt hai câu hỏi: Học để làm gì? Học để phục vụ ai? Đó là hai câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát thì mới có phương hướng*”. Bác chỉ rõ: “*Dưới chế độ thực dân, phong kiến, mục đích đi học là cốt được mảnh bằng để làm ông thông, ông phán, lĩnh lương nhiều, ăn ngon, mặc đẹp. Thế thôi. Số phận dân tộc thế nào, tình hình thế giới biến đổi thế nào, không hay, không biết gì hết. Mục đích giáo dục nô lệ hầu hạ chúng. Ngày nay ta đã được độc lập, tự do, thanh niên mới thật là người chủ tương lai của nước nhà. Muốn xứng đáng vai trò là người chủ thì phải học tập. Học bây giờ với học dưới chế độ thực dân, phong kiến khác nhau*”, “*Học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật và quân sự*” và “*Học để phụng sự ai? Để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh, tức là để làm tròn nhiệm vụ người chủ của nước nhà*”. Từ đó có thể thấy, nhiệm vụ của thanh niên trí thức thời đại mới không chỉ là ra sức học tập để làm chủ được tri thức, công nghệ mới, mà còn phải xác lập được cho mình lý tưởng cộng sản đúng đắn. Lý tưởng đúng đắn chính là cứu cánh, là vũ khí sắc bén trong đấu tranh chống lại cái xấu, chống lại những cám dỗ bên ngoài, giúp thanh niên vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn để hoàn thành mục tiêu.

Trong vấn đề học tập, Bác nhắc nhở học sinh, sinh viên Việt Nam rằng: “*Làm nghề gì cũng phải học*” và mục đích của việc học là để “*nâng cao năng lực làm cho kinh tế phát triển, chiến đấu thắng lợi, đời sống nhân dân càng no ấm, vui tươi*”. Điều đó có nghĩa rằng ngay cả đối với một bộ phận thanh niên không theo học đại học, cao đẳng, thì việc học cũng luôn là việc hết sức quan trọng. Học từ các lớp dạy nghề, học từ kinh nghiệm cuộc sống, từ người đi trước, tự học... để nâng cao lối sống tích cực, trau dồi kỹ năng nghề nghiệp để ứng dụng được kiến thức vào lao động sản xuất và làm ăn kinh tế nhằm làm giàu cho bản thân cũng như xã hội.

Bác cũng luôn lưu ý học sinh, sinh viên rằng, để việc học tập thành công và trở nên hữu ích thì học phải đi đôi với hành, lý thuyết phải đi cùng thực tiễn. Bác nói: “*Chỉ biết lý thuyết mà không biết thực hành thì cũng là trí thức có một nửa, lý luận phải gắn liền với thực tế*”.

Ngoài việc học tập, trau dồi kiến thức, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn căn dặn thế hệ trẻ phải thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức, lối sống. Bác nhấn mạnh: “*Có tài mà không có đức là người vô dụng*”. “*Đức*”, ở đây như Bác nói là đạo đức, đạo lý làm người mà với thời đại chúng ta, Bác yêu cầu rèn luyện để có đạo đức cách mạng. Bác giải thích đạo đức cách mạng rất giản dị, cụ thể: “*Đạo đức cách mạng không phải là những điều cao siêu, xa lạ mà đối với mỗi người bất kỳ ở cương vị nào, bất kỳ làm một việc gì đều không sợ khó, không sợ khổ, đều một lòng một dạ phục vụ lợi ích chung của giai cấp, của nhân dân, đều nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội*”.

“Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời rơi xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Bác coi “đạo đức là cái gốc của người cách mạng. Để làm tròn trách nhiệm, thanh niên ta phải nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, trì bỏ chủ nghĩa cá nhân, chớ phô trương hình thức, chớ kiêu ngạo tự mãn”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành cho các thế hệ trẻ Việt Nam tình yêu thương bao la, sâu sắc nhất. Người đã khẳng định: Thanh niên là chủ nhân tương lai của nước nhà... Chính vì thế, việc chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ luôn là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của toàn xã hội, *“muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có những con người xã hội chủ nghĩa, tức là phải có những người có đạo đức xã hội chủ nghĩa”*. Nhớ lời dạy của Bác kính yêu, mỗi thế hệ học sinh, sinh viên Việt Nam *“cần phải có chí tự động, tự cường, tự lập; Phải có khí khái ham làm việc, chứ không ham địa vị; Phải có quyết tâm, đã làm việc gì thì làm cho đến nơi đến chốn, làm cho kỳ được; Phải có lòng ham tiến bộ, ham học hỏi, học luôn, học mãi. Học văn hoá, học chính trị, học nghề nghiệp...”*; những nhà quản lý giáo dục, những thầy cô giáo - là những người có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp trồng người, hãy luôn khắc ghi những lời Bác căn dặn, coi đó là kim chỉ nam định hướng cho triết lý giáo dục hiện đại nhằm tìm ra giải pháp đưa nền giáo dục nước nhà phát triển tích cực và bền vững, góp sức vào công cuộc CNH-HĐH đất nước, xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

(Nguồn: <http://nvhtn.org.vn>)

II. DI TÍCH LỊCH SỬ TRONG NƯỚC

Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo

Khu di tích lịch sử Côn Đảo (Nhà tù Côn Đảo) thuộc huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, gồm hệ thống nhà tù ở Côn Đảo và các nghĩa trang thuộc hệ thống nhà tù này. Trong lịch sử, chính quyền thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã cho xây dựng 127 phòng giam, 42 xà lim và 504 phòng giam biệt lập - “*chuồng cọp*” tại khu vực Côn Đảo. Sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất (1975), chức năng của hệ thống nhà tù ở Côn Đảo bị giải thể. Năm 1979, Khu di tích lịch sử Côn Đảo đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích quốc gia, với 17 di tích thành phần.



1. Nhà Chúa Đảo

Có tổng diện tích là 18.600m², gồm các hạng mục: nhà phụ thuộc, nhà ở dành cho nhân viên, nhà Chúa Đảo, hệ thống sân, vườn - có cổng và hàng rào bao quanh. Khu vực này từng là nơi ở và làm việc của 53 đời Chúa Đảo, trong khoảng thời gian hệ thống nhà tù ở Côn Đảo duy trì hoạt động. Sau ngày giải phóng (1975) đến nay, nhà Chúa Đảo được sử dụng làm nơi trưng bày của Khu di tích lịch sử Côn Đảo.

2. Cầu Tàu

Nằm tại vị trí trung tâm của bãi biển chính, thuộc thị trấn Côn Đảo (phía trước nhà Chúa Đảo), được khởi dựng từ năm 1873. Đây cũng là nơi chứng kiến nỗi cực nhục đầu tiên của những người bị đưa ra đảo tù đầy. Nhiều người chỉ qua đây đã vĩnh viễn yên nghỉ tại Côn Đảo. Con số 914 được đặt tên cho cầu cũng là số tù nhân đã bị “*ngã xuống*” vì lao dịch, tai nạn trong quá trình lao động khổ sai để xây cầu. Cầu có chiều dài 130m, rộng 4,8m, gồm hai cánh chính và một cánh phụ, ở phía mũi tạo hình chữ T.

3. Trại 1

Trại 1 còn được biết đến qua các tên gọi khác, như Banh 3, Lao 3, Trại Bác Ái, trại Phú Thọ. Trại được xây dựng năm 1928, trên tổng diện tích khoảng

12.700m². Trong đó, diện tích phòng giam là 1.200m², bao gồm 3 dãy khám giam, nhà y tế, nhà bếp và nhà ăn, phòng giam tập thể và phòng biệt lập, dãy nhà cầm cố (giam cầm).

Trước năm 1945, trại giam này có 2 dãy phòng giam tập thể, 1 dãy phòng giam biệt lập, 1 khu nhà bếp và 1 khu bệnh xá (dành để cách ly bệnh kiết lỵ).

Sau Cách mạng tháng Tám, trại giam này được chỉnh trang lại, chỉ còn 2 dãy phòng giam. Các phòng giam được đánh số thứ tự từ 1 đến 8.

Dưới thời Mỹ, trại này được xây thêm 2 phòng giam (số 9 và số 10) ở phía sau bệnh xá. Đặc biệt, phòng giam số 10 được Mỹ - Ngụy dùng làm khu biệt lập để bổ sung cho khu chuồng cọp, nên được ngăn ra 15 khu biệt giam. Người tù bị giam ở đây đã đặt cho nó một biệt danh là: “*Biệt lập chuồng gà*”.

Ngoài ra, trong khu vực này còn có Banh 3 phụ, Banh 3 cùng với Banh 3 phụ và trại 5 (do Mỹ - Ngụy xây dựng năm 1962), tạo thành một cụm bao quanh khu biệt lập nổi tiếng: “*Chuồng cọp Pháp*”.

4. Trại 2

Trại còn có các tên gọi khác, như Banh 1, Lao 1, Trại Cộng Hòa. Đến tháng 11 năm 1974, trại này được gọi là trại Phú Hải. Trại 2 được xây dựng từ năm 1862 và được chỉnh trang kiên cố vào năm 1896, với diện tích 12.040m², gồm 02 dãy khám giam, 20 xà lim, bệnh xá, nhà nguyện, giảng đường, khu đập đá, câu lạc bộ, nhà Giám thị... , được bao bọc bởi bốn bức tường cao hơn 4m, xung quanh bố trí nhiều chốt gác. Đây là trại giam lớn và cổ nhất ở Côn Đảo.

5. Trại 3

Trại còn được biết đến qua các tên gọi khác, như Banh 2, Lao 2, Trại Nhân Vị, Trại 3, Trại Phú Sơn. Trại được xây dựng năm 1916, nằm cạnh Banh 1, với diện tích 13.228m², gồm 13 khám lớn, 14 xà lim, 1 phòng hớt tóc, miếu thờ, phòng y tế, nhà bếp, phòng Giám thị, câu lạc bộ và khuôn viên cây xanh, bao quanh là hệ thống tường đá (cao 4m) và nhiều chốt gác.

6. Trại 4

Có tổng diện tích 5804m², gồm 8 phòng giam, nhà bếp, nhà kho, bệnh xá, có tường đá dày, cao bao quanh.

7. Trại 5

Có tổng diện tích 3.594m², với 12 phòng giam tập thể, được chia làm 3 dãy (mỗi dãy 4 phòng), khu nhà bếp, có tường đá dày, cao khoảng 4m bao quanh.

8. Trại 6

Tức Trại Phú An, có diện tích 42.140m², gồm khu A và khu B. Mỗi khu đều có hai dãy, gồm 10 phòng, 4 xà lim, nhà bếp, bệnh xá, nhà kho. Khu trại này được bao bọc bởi hai lớp rào, có cổng ngoài và cổng trong.

9. Trại 7

Còn có tên gọi khác là Trại Phú Bình, hay Chuồng cọp kiểu Mỹ. Trại có diện tích 25.788m², với 8 khu trại giam (A, B, C, D, E, F, G, H), mỗi khu đều có 48 chuồng cọp, nhà kho, nhà bếp, văn phòng Giám thị, bệnh xá. Quanh trại được bao bọc bởi hàng rào dây thép gai và tường bê tông.

10. Trại VIII

Còn được gọi là Trại Phú Hưng, gồm 10 khám giam, được chia thành 2 dãy, cùng các công trình phụ, như nhà Giám thị, vọng gác. Bao quanh trại là hệ thống hàng rào dây thép gai.

11. Trại IX

Khi Mỹ - Ngụy đang cho đổ bê tông nền, đúc cột dựng trại, thì Hiệp định Paris được ký kết nên trại này đã bị bỏ dở.

12. Phòng điều tra

Đây là nơi làm việc và lưu trữ hồ sơ hỏi cung. Mọi tù nhân trước khi được nhập giam, đều bị hỏi cung tại phòng này.

13. Cầu Ma Thiên Lãnh

Từ năm 1930 - 1945, thực dân Pháp đã cho mở một nhánh đường đến Sở Ông Cầu để tiện cho việc kiểm soát tù vượt ngục. Cầu mới xây dựng được 2 mố, mỗi mố cao khoảng 8m. Tên cầu do tù nhân lấy tên ngọn núi Ma Thiên Lãnh ở Triều Tiên để đặt.

14. Khu biệt lập Chuồng Bò

Khu vực này là nơi tù nhân lao động khổ sai, đồng thời là nghĩa địa của tù nhân. "*Bãi sọ người*" tại đây chính là nghĩa địa đầu tiên ở Nhà tù Côn Đảo, tiếp đến là nghĩa địa Hàng Keo, nghĩa địa Hàng Dương.

15. Lò Vôi

Đây là chứng tích điển hình về chính sách bóc lột sức lao động một cách dã man, cùng với chế độ nhà tù hà khắc, thâm độc, nhằm dập tắt ý chí của những người Việt Nam yêu nước bị tù đày tại Côn Đảo.

16. Nhà Công Quán

Xây dựng cuối thế kỷ 19, diện tích 850m², là nơi dừng chân của nhạc sĩ người Pháp: Charles Camille Saint Saens - Danh nhân văn hóa thế giới. Tại đây Ông hoàn tất 3 chương cuối vở nhạc kịch bất hủ Brunchida.

17. Nghĩa trang Hàng Dương

Có diện tích khoảng 20 ha. Đây là nơi yên nghỉ của hàng vạn chiến sĩ cách mạng và đồng bào Việt Nam yêu nước đã lần lượt hy sinh dưới ách tù đày, khổ sai tàn bạo của bọn thực dân và đế quốc.

Năm 1992, di tích này đã được đầu tư tôn tạo và chia thành 4 khu:

- Khu A: gồm 688 ngôi mộ (có 7 mộ tập thể), với 86 mộ có tên và 602 mộ khuyết danh. Đa phần mộ ở đây được chôn cất từ năm 1945 về trước, trong đó có phần mộ của liệt sĩ cách mạng Lê Hồng Phong và nhà yêu nước Nguyễn An Ninh;

- Khu B: gồm 695 ngôi mộ (có 17 mộ tập thể), với 275 mộ có tên và 420 mộ khuyết danh. Đa phần mộ ở đây được chôn cất từ năm 1945 đến 1960, trong đó có phần mộ của nữ anh hùng Võ Thị Sáu và anh hùng Cao Văn Ngọc;

- Khu C: gồm 372 ngôi mộ (có 1 mộ tập thể), với 329 mộ có tên và 43 mộ khuyết danh. Đa phần mộ ở đây được chôn cất từ năm 1960 đến 1975, trong đó có phần mộ của anh hùng Lê Văn Việt;

- Khu D: gồm 148 ngôi mộ, với 11 mộ có tên và 137 mộ khuyết danh. Số mộ này đều được quy tập từ nghĩa địa Hòn Cau và Hàng Keo.

Nhà tù Côn Đảo là một di tích đặc biệt (di tích nhà tù). Đây là nơi tập trung nhất hệ thống cai trị tù khét tiếng của Pháp và Mỹ, điển hình về chế độ cưỡng bức, giam cầm, hành hạ và tàn sát các chiến sỹ cách mạng, tù nhân lao động khổ sai đến kiệt sức; là nơi mà kẻ thù hung bạo phải run sợ trước khí phách, khí tiết cách mạng và niềm lạc quan của người tù yêu nước.

Nhà tù Côn Đảo cũng là "Trường học Cộng sản" rèn luyện phẩm chất, ý chí của các chiến sỹ Cộng sản trên trận tuyến nhà tù, đồng thời là nơi giáo dục truyền thống đấu tranh anh dũng, lòng yêu nước, tinh thần bất khuất của các thế hệ hoạt động cách mạng tiền bối cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.

Với những giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học đặc biệt của di tích, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo là Di tích quốc gia đặc biệt (Quyết định số 548/QĐ-TTg, ngày 10/5/2012).

Nguồn: Mai Anh (Theo Hồ sơ xếp hạng di tích, tư liệu Cục Di sản văn hóa)

III. THEO DÒNG LỊCH SỬ



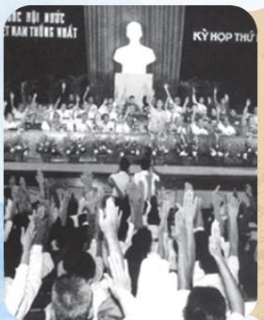
Theo dòng lịch sử THÁNG 1



Kỷ niệm 27 năm
Ngày tái lập tỉnh Bạc Liêu
(01/01/1997 - 01/01/2024)



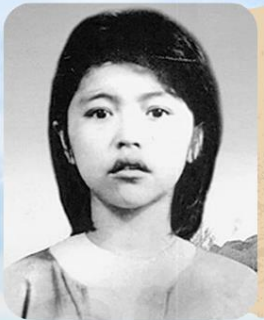
Kỷ niệm 61 năm
Ngày Chiến thắng Ấp Bắc
(02/01/1963 - 02/01/2024)



Kỷ niệm 78 năm
Ngày Tổng tuyển cử đầu tiên
của Quốc hội Việt Nam
(06/01/1946 - 06/01/2024)



Kỷ niệm 74 năm
Ngày truyền thống học sinh,
sinh viên và Hội sinh viên
Việt Nam (09/01/1950 -
09/01/2024)



Kỷ niệm 72 năm
Ngày hy sinh của Anh hùng
lực lượng vũ trang Nhân dân
trẻ tuổi Võ Thị Sáu
(23/01/1952 - 23/01/2024)



Kỷ niệm 51 năm
Ngày ký Hiệp định Pari
về chấm dứt chiến tranh,
lập lại hòa bình ở Việt Nam
(27/01/1973 - 27/01/2024)



BÀ MẸ VIỆT NAM AN HÙNG

Nguyễn Thị Thủ

Mẹ Thủ sinh ra trên vùng đất Long Điền Đông có truyền thống cách mạng, chồng Mẹ là ông Lê Văn Tền. Trước năm 1945, vợ chồng Mẹ có cuộc sống vô cùng cực khổ, phải làm tá điền cho bọn địa chủ nhưng vẫn không đủ ăn, đủ mặc. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, quê hương của Mẹ là vùng giải phóng; là thành viên trong Hội Mẹ chiến sĩ ở

địa phương, Mẹ luôn tích cực tham gia vận động lương thực, áo quần, tiền bạc cung cấp cho các chiến sĩ. Mỗi khi có bộ đội về đóng quân, Mẹ lại tất bật suốt ngày đêm chăm lo từng bữa ăn, và từng tấm áo; khi bộ đội chuẩn bị hành quân, Mẹ lại gói bánh tét, bánh dứa cung cấp cho các anh ra chiến trận. Tấm lòng của Mẹ thật bao la, có bao nhiêu tài sản, Mẹ Thủ cũng cống hiến cho cách mạng và để nuôi bộ đội, không dành cho riêng gia đình mình.

Giặc Pháp thất bại, giặc Mỹ nhảy vào. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh chính trị dâng cao, Mẹ đã cùng với các chị em phụ nữ ở địa phương nhiều lần tham gia đấu tranh trực diện với kẻ thù, buộc địch phải thực hiện yêu sách: không được bắt bớ, tra tấn, giam cầm người vô tội; không ruồng bỏ, bắn giết, cướp bóc của nhân dân v.v... Hậu quả của những lần bị địch bắt, đánh đập đã để lại trên mình Mẹ biết bao thương tích. Thế rồi, ngày 15.10.1964, Mẹ lâm trọng



Sinh năm : 1902
Quê quán : xã Long Điền Đông,
Giá Rai, Bạc Liêu.
Từ trần năm : 1964
Hưởng thọ : 62 tuổi
Mẹ có một người con duy nhất là liệt sĩ:
Lê Phước Thuận

bệnh và qua đời, để lại trong con cháu và bạn bè niềm tiếc thương vô hạn. Mẹ được an táng tại xã An Trạch, huyện Đông Hải.

Kế thừa truyền thống của gia đình, người con trai độc nhất của Mẹ là anh Lê Phước Thuận đã lên đường tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1940, làm liên lạc cho ông Trần Khương Kiệt; năm 1945, là xã Đoàn Trưởng xã Long Điền

Đông; đến năm 1948, là Huyện Đoàn trưởng huyện Vĩnh Lợi; năm 1953, là Huyện ủy viên, Huyện Đoàn trưởng huyện Giá Rai. Năm 1957, anh bị địch bắt đày đi Côn Đảo, đến năm 1964, mới được thả về. Không để gián đoạn hoạt động, anh tiếp tục công tác với chức vụ Bí thư Đảng ủy xã Long Điền Đông, rồi Huyện ủy viên, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc huyện Giá Rai. Anh đã hy sinh vào ngày 11.01.1969.

Noi gương Mẹ Thủ, người con dâu là bà Trần Thị Hía cũng tham gia cách mạng hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trong thời gian anh Thuận bị địch bắt đày đi Côn Đảo và sau khi anh đã hy sinh, chị vẫn trọn đạo thủy chung với chồng, tròn hiếu nghĩa với mẹ chồng, nuôi dạy con khôn lớn nên người và luôn hoàn thành nhiệm vụ được tổ chức giao. Hiện nay, chị Hía đang tiếp tục làm tròn đạo nghĩa là thờ cúng cha mẹ chồng và chồng.

IV. LỊCH SỬ CÁC NGÀY LỄ, KỶ NIỆM

Khái quát về Bạc Liêu



1. Lịch sử hình thành

Trải qua bao biến cố, thăng trầm của lịch sử, vùng đất Bạc Liêu vẫn ngày càng trù phú do phù sa bồi lấp ra biển và hơn hết là nhờ sự “chung sức, đồng lòng” dựng xây quê hương của ba dân tộc Kinh, Khmer và Hoa.

Năm 1680, Mạc Cửu, một di thần nhà Minh ở Trung Quốc đến vùng Mang Khảm chiêu tập một số lưu dân người Việt, người Hoa cư trú ở Mang Khảm, Phú Quốc, Rạch Giá, Long Xuyên (Cà Mau), Luồng Cày (Lũng Kỳ), Hưng úc (tức Vũng Thơm hay Kompong som), Cần Bột (Campôt) lập ra những thôn xóm đầu tiên trên vùng đất Bạc Liêu.

Năm 1708, Mạc Cửu dâng vùng đất Mang Khảm cho chúa Nguyễn Phúc Chu. Chúa Nguyễn Phúc Chu đặt tên toàn bộ thôn xóm vùng này là trấn Hà Tiên, phong Mạc Cửu là Tổng binh trấn Hà Tiên, với tước Cửu Ngọc Hầu. Mạc Cửu lập dinh trại đồn trú tại Phương Thành, nhân dân quy tụ ngày càng đông.

Năm 1757, chúa Nguyễn Phúc Khoát thu nhập thêm vùng đất Ba Thắc, lập ra Trấn Giang (Cần Thơ), Trấn Di (Sóc Trăng, Bạc Liêu). Toàn bộ vùng đất phương Nam thuộc về chúa Nguyễn. Đến năm 1777, Trấn Giang, Trấn Di được bãi bỏ.

Năm 1802, vua Gia Long lên ngôi. Năm 1808, trấn Gia Định đổi là thành Gia Định cai quản 5 trấn: Phiên An, Biên Hoà, Định Tường, Vĩnh Thanh (tức Vĩnh Long), Hà Tiên.

Năm 1832, vua Minh Mạng bỏ thành Gia Định, chia Nam Kỳ thành lục tỉnh: Biên Hoà, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, bao gồm đất từ Hà Tiên đến Cà Mau. Phần đất tỉnh An Giang, tính từ Châu Đốc đến Sóc Trăng và Bạc Liêu tính đến cửa biển Gành Hào.

Ngày 5/1/1867, thực dân Pháp chiếm 6 tỉnh Nam Kỳ. Đến ngày 5/6/1876, Pháp chia Nam Kỳ thành 24 khu tham biện (inspection - có người dịch là khu thanh tra) do các viên thanh tra hành chính (inspecteur) đảm nhiệm.

Năm 1877, Pháp điều chỉnh Nam Kỳ còn 20 khu tham biện. Đến ngày 18-12/1882, Pháp cắt 3 tổng: Quảng Long, Quảng Xuyên, Long Thủy của đại lý (Délégation) Cà Mau thuộc địa hạt Rạch Giá (Arrondissement de Rach Gia) và hai tổng Thạnh Hoà, Thạnh Hưng của đại lý Châu Thành thuộc địa hạt Sóc Trăng và thành lập địa hạt Bạc Liêu (Arrondissement de Bạc Liêu). Địa hạt Bạc Liêu là địa hạt thứ 21 của Nam Kỳ, lúc đầu có 2 đại lý: Vĩnh Lợi và Vĩnh Châu.

Ngày 20/12/1899, toàn quyền Đông Dương ký sắc lệnh bỏ xưng danh địa hạt, đổi thành tỉnh, đại lý đổi thành quận. Ngày 1/1/1900, sắc lệnh trên được áp dụng cho toàn Nam Kỳ.

Năm 1904, quận Vĩnh Lợi cắt một phần đất phía bắc nhập thêm vào quận Vĩnh Châu. Diện tích của tỉnh Bạc Liêu lúc này là 740 nghìn ha.

Năm 1918, chính quyền thực dân Pháp cắt một phần đất phía nam quận Vĩnh Lợi và một phần đất phía bắc quận Cà Mau thành lập quận Giá Rai.

Ngày 25/10/1955, Ngô Đình Diệm ký Sắc lệnh số 143/NV phân định lại địa phận hành chính các tỉnh miền Nam, sáp nhập các quận Giá Rai, Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu vào Sóc Trăng, thành lập tỉnh Ba Xuyên. Toàn bộ vùng đất quận Cà Mau lập thành tỉnh An Xuyên.

Ngày 8/9/1964, Nguyễn quyền Sài Gòn ký Sắc lệnh số 254/NV tái lập tỉnh Bạc Liêu gồm các quận: Giá Rai, Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu và Phước Long (Rạch Giá). Địa phận này tồn tại cho đến ngày 30/4/1975.

Về phía chính quyền cách mạng: việc phân chia địa giới hành chính tỉnh Bạc Liêu trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ khác hẳn chính quyền Sài Gòn. Năm 1947, quận Hồng Dân thuộc tỉnh Rạch Giá giao hai làng Vĩnh Hưng, Vĩnh Phú về quận Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Năm 1948, tỉnh Bạc Liêu giao quận Vĩnh Châu và làng Hưng Hội về tỉnh Sóc Trăng, đồng thời thành lập thêm quận mới lấy tên là quận Ngọc Hiển.

Ngày 13/11/1948, cắt 2 làng Vĩnh Trạch, Vĩnh Lợi để thành lập thị xã Bạc Liêu. Cùng thời điểm này, tỉnh Sóc Trăng giao làng Châu Thới về Bạc Liêu. Làng Châu Thới hợp nhất với làng Long Thạnh thành làng Thạnh Thới.

Năm 1951, thành lập thêm huyện Trần Văn Thời, gồm các xã: Khánh Bình Đông, Khánh Bình Tây, Trần Hợi, Hưng Mỹ, Khánh An, Khánh Lâm. Đồng thời, tỉnh Bạc Liêu tiếp nhận hai huyện An Biên, Hồng Dân của tỉnh Rạch Giá.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, năm 1955, huyện Vĩnh Châu được đưa về tỉnh Bạc Liêu, huyện An Biên và huyện Hồng Dân đưa về tỉnh Rạch Giá. Huyện Vĩnh Lợi và thị xã Bạc Liêu được tái lập.

Năm 1957, Liên Tỉnh uỷ miền Tây chia các huyện Giá Rai, Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu, Hồng Dân, thị xã Bạc Liêu về tỉnh Sóc Trăng. Tỉnh uỷ Sóc Trăng

quyết định hợp nhất huyện Vĩnh Châu và huyện Vĩnh Lợi, thành huyện Vĩnh Lợi - Vĩnh Châu.

Năm 1962, huyện Giá Rai sáp nhập vào tỉnh Cà Mau. Năm 1963, Tỉnh uỷ Sóc Trăng quyết định tách huyện Vĩnh Châu khỏi huyện Vĩnh Lợi - Vĩnh Châu, thành lập huyện Vĩnh Châu.

Tháng 11/1973, Khu uỷ Tây Nam Bộ quyết định tái lập tỉnh Bạc Liêu, gồm 4 đơn vị hành chính cấp huyện: Vĩnh Lợi, Giá Rai, Hồng Dân và thị xã Bạc Liêu.

Vào đầu năm 1976, Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam hợp nhất hai tỉnh Bạc Liêu - Cà Mau thành tỉnh Bạc Liêu - Cà Mau, đến gần giữa năm 1976 tỉnh Bạc Liêu - Cà Mau đổi tên thành tỉnh Minh Hải.

Ngày 1/1/1997, tỉnh Bạc Liêu được tái lập lần thứ hai và giữ nguyên cho đến ngày nay.

Xuất xứ tên gọi Bạc Liêu

Danh xưng “*Bạc Liêu*”, đọc theo tiếng Trung, giọng Triều Châu là Pô Léo, có nghĩa là xóm nghèo, làm nghề hạ bạc, tức nghề chài lưới, đánh cá, đi biển. Pô phát âm theo tiếng Hán Việt là “*Bạc*” và Léo phát âm là “*Liêu*”.

Một giả thuyết khác cho rằng: Pô là bót, đồn. Liêu là Lào (Ai Lao) theo tiếng Khơ-me, vì trước khi người Hoa kiều đến sinh sống, nơi đó có một đồn binh của người Lào.

Còn người Pháp, họ căn cứ vào tên Pô Léo theo tiếng Triều Châu nên gọi vùng đất này là Phêcheri - chaume (đánh cá và cò tranh). Ngoài ra còn một số giả thuyết khác.

Vài nét về tính cách và văn hóa của người Bạc Liêu

Về mặt lịch sử, vùng đất Bạc Liêu mới hình thành trên 200 năm. Do điều kiện đất đai và cấu tạo dân cư buổi đầu, Bạc Liêu không giống các tỉnh miền Trung, miền Bắc. Dân cư không hình thành từ “*lũy tre làng*”, “*cha truyền con nối*”. Dân cư Bạc Liêu đa số là dân “*xiêu tán*”, nghèo khổ “*tha phương cầu thực*”. Họ định cư rải rác trên các gò đất cao, trên các bờ sông, các kinh rạch. Người Kinh, người Khơ-me, người Hoa đã đan xen nhau, luôn tương trợ, đoàn kết khi hoạn nạn, chân thành cởi mở, thích “*làm ăn lớn*”. Phong cách ứng xử người dân Bạc Liêu mang tính cách nông dân thôn dã, chất phác, bộc trực, dám phản kháng mạnh mẽ trước bất công xã hội.

Ở Bạc Liêu, có 3 dòng văn hóa đan xen nhau đó là: văn hóa Kinh, văn hóa Khơ-me, văn hóa người Hoa, trong quá trình hội nhập, phát triển. Hàng năm trên vùng đất Bạc Liêu có rất nhiều lễ hội. Người Kinh có lễ hội cúng đình, thờ thần hoàng bản cảnh có công với nước được triều đình nhà Nguyễn Sắc phong. Ngoài ra còn có đại lễ Kỳ Yên còn gọi là lễ thượng điền giữa tháng 5 âm lịch, lễ thấp miếu còn gọi là lễ hạ điền vào giữa tháng 12 âm lịch. Đồng bào Khơ-me có lễ hội vào năm mới (Chol-Chnam-Thmây) vào giữa tháng 4 dương lịch, lễ hội chào mặt trăng (Oóc-Om-Boóc) vào ngày rằm tháng 10 âm lịch, lễ hội Đôn-ta nhằm thực hiện việc xá tội vong nhân theo đạo lý nhà Phật.

Dân số tỉnh Bạc Liêu là 856.250 người (01/4/2009), ba dân tộc chủ yếu là dân tộc Kinh (chiếm khoảng 90% dân số) - dân tộc Khmer (chiếm khoảng 7% dân số) và dân tộc Hoa (chiếm khoảng 3% dân số).

Đơn vị hành chính

Ngày 1/1/1997, Bạc Liêu được tái lập với 4 đơn vị hành chính gồm: 3 huyện (Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Giá Rai) và thị xã Bạc Liêu, trong đó thị xã Bạc Liêu là thị xã tỉnh lỵ của tỉnh. Đến cuối năm 2005, tỉnh Bạc Liêu có 6 huyện (chia tách từ 3 huyện cũ) là Phước Long, Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Hoà Bình, Giá Rai, Đông Hải và thị xã Bạc Liêu.

Đất đai, địa hình

Đất đai: Bạc Liêu có diện tích đất tự nhiên 2.594 km².

Địa hình: khá bằng phẳng, không có đồi, núi nên không có các chấn động địa chất lớn. Địa hình cơ bản là đồng bằng với các cánh đồng rộng mênh mông, sông rạch và kênh đào chằng chịt.

Khí hậu

Bạc Liêu nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, thời tiết chia thành hai mùa rõ rệt: mùa khô (mùa nắng) bắt đầu từ tháng 10 - 11 năm trước đến tháng 4 - 5 năm sau; mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 - 5 đến tháng 10 - 11.

Nhiệt độ trung bình năm 28,50C, nhiệt độ thấp nhất trong năm là 210C (vào mùa mưa), nhiệt độ cao nhất trong năm là 360C (vào mùa nắng).

Tài nguyên

- Tài nguyên rừng và động - thực vật: rừng Bạc Liêu thuộc hệ sinh thái rừng ngập mặn như: tràm, chà lả, giá, cóc, lâm vô,... Bên dưới là thảm thực vật gồm cỏ và các loài dây leo. Theo Viện sinh học nhiệt đới, rừng Bạc Liêu có 104 loài thực vật, 10 loài thú nhỏ, 8 loài bò sát,...

Sau khi các kênh xáng được đào xong, đại bộ phận đất ngập úng ở Bạc Liêu được ngăn mặn, xổ phèn. Kết quả, hơn 240 nghìn ha đất hoang hoá trở nên màu mỡ. Bạc Liêu nhanh chóng trở thành tỉnh đứng đầu Nam Kỳ về diện tích trồng lúa nước; đứng thứ hai (sau Kiên Giang) về nguồn lợi thủy sản.

Ngoài ra, Bạc Liêu có 01 vườn chim hoang dã (diện tích hơn 30 ha) ở xã Hiệp Thành, cách thị xã Bạc Liêu khoảng 3 km (về phía đông); hai vườn còn ở thị trấn Phước Long và Vĩnh Phú Tây (huyện Phước Long); một vườn chim với loài giang sen quý hiếm ở huyện Đông Hải. Đặc biệt, vườn chim Bạc Liêu là vườn chim lớn nhất trong tỉnh với khoảng hơn 40 loài chim, số lượng hơn 60 nghìn con, gồm nhiều loại như: diên điển, quắm trắng, quắm đen, chần bẻ, cò lông bông, le le, vịt nước, còng cọc, vạc, cò ngà, cò trắng, giang sen, mỏ thác, ốc cao, thẳng chài, diệc Sunatra,... Vườn chim Bạc Liêu là một trong những khu vực được đưa vào hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia của Việt Nam.

- Hệ thống sông ngòi: Bạc Liêu có hệ thống sông ngòi, kênh đào chằng chịt, cơ bản chia làm hai nhóm:

Nhóm 1: chảy ra hải lưu phía nam, gồm: sông Gành Hào (dài 55 km) có các nhánh là rạch Giồng Ké, rạch Lộ, rạch Nhà Thờ, rạch Cái Keo, rạch Gốc,...; sông Mỹ Thanh (70 km) có các nhánh là rạch Lé, rạch Bạc Liêu, rạch Trờ Nho, rạch Trà Niêu, rạch Trà Teo, trong đó rạch Bạc Liêu dài 35 km.

Nhóm 2: chảy ra sông Ba Thắc (thường gọi là sông Hậu, tức Hậu Giang). Nhóm này gồm rạch Ba Xuyên và các nhánh nhỏ của rạch Ba Xuyên.

Về kênh đào: để tháo phèn phục vụ sản xuất và phục vụ nhu cầu giao thông, giai đoạn 1901 - 1903, chính quyền thực dân đã đào kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp dài 140 km, đoạn Bạc Liêu - Cà Mau dài 48,5 km. Đến năm 1915, chính quyền thực dân lại dùng xáng nạo vét mở rộng kênh đào Bạc Liêu - Cà Mau (dài 66 km) và đào thêm kênh Bạc Liêu - Cỏ Cò (dài 18 km). Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), chính quyền thực dân tiếp tục khai thác vùng đất Bạc Liêu với quy mô lớn hơn: năm 1920, đào kênh xáng Hộ Phòng - Chủ Chí - Chợ Hội (dài 29 km) và kênh Giá Rai - Phó Sinh - Cảnh Đèn (dài 33 km); năm 1925, đào kênh xáng Lộ Bể - Gành Hào dài 18 km; năm 1931 đào kênh xáng Xóm Lung - Cống Cái Cùn (dài 13 km), kênh xáng cầu số II - Phước Long (dài 24 km) và kênh xáng Cầu Sập - ngã tư Vĩnh Phú - Ngan Dừa (dài 49,5 km).

- Biên: Bạc Liêu có bờ biển dài 56 km. Biên Bạc Liêu có nhiều loài tôm, cá, ốc, sò huyết,... Hàng năm, sản lượng khai thác đạt gần 100 nghìn tấn cá, tôm. Trong đó, sản lượng tôm gần 10 nghìn tấn.

Bờ biển thấp và phẳng rất thích hợp để phát triển nghề làm muối, trồng trọt hoặc nuôi tôm, cá. Hàng năm, sự bồi lấp biển ở Bạc Liêu ngày một tăng. Đây là điều kiện lý tưởng cho Bạc Liêu phát triển thêm quỹ đất, đồng thời là yếu tố quan trọng đưa kinh tế biển của Bạc Liêu phát triển.

(Nguồn: Báo điện tử - Đảng Cộng sản Việt Nam)

Ngày học sinh - sinh viên Việt Nam viết tiếp truyền thống Anh hùng của tuổi trẻ

Lịch sử ngày truyền thống học sinh, sinh viên Việt Nam, diễn ra trong bối cảnh những năm 1949 - 1950, khi phong trào đấu tranh của thanh niên, học sinh, sinh viên các đô thị diễn ra liên tục, rầm rộ và rộng khắp. Đại hội toàn quốc Liên đoàn thanh niên Việt Nam lần thứ nhất, tháng 2 năm 1950 tại Việt Bắc đã quyết định lấy ngày 09 tháng 01, hàng năm làm Ngày truyền thống học sinh - sinh viên.



Học sinh, sinh viên là một bộ phận cốt yếu và chứa đựng tiềm năng trong xã hội. Đây là lực lượng những con người đang ở độ tuổi tràn trề sức sống và nhiệt huyết của tuổi trẻ. Đồng thời cũng là những thế hệ có ước mơ và sẵn sàng theo đuổi lý tưởng, đam mê của mình. Tại Việt Nam, theo chiều dài của lịch sử cho tới hiện nay, học sinh- sinh viên luôn đóng vai trò quan trọng, góp công sức không nhỏ trong suốt quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

Sau cách mạng Tháng Tám, ở Sài Gòn, Huế, Hà Nội đã thành lập Hội Học sinh kháng chiến, Đoàn sinh viên kháng chiến sau đó phát triển ra nhiều trường ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Các hoạt động của học sinh, sinh viên kháng chiến ngày càng phong phú và đa dạng hơn. Ngày 09/01/1950, Đoàn thanh niên Cứu Quốc và Đoàn học sinh, sinh viên Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn đã tổ chức vận động trên 10.000 Nhân dân, trong đó đông đảo nhất là học sinh, sinh viên xuống đường. Với hơn 2.000 học sinh, sinh viên các trường tại Sài Gòn như Pétrus Ký, Gia Long, Huỳnh Khương Ninh, trường Đại học Y Dược, Pháp Lý, các trường chuyên nghiệp vô tuyến điện, công chính, kỹ thuật, khoa học,... cùng nhiều giáo viên biểu tình đòi bảo đảm an ninh cho học sinh, sinh viên học tập và trả tự do cho những học sinh, sinh viên bị bắt, trong đó có Ban lãnh đạo học sinh cứu quốc Sài Gòn.

Trần Văn Ôn - người thanh niên tiêu biểu cho lòng yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất của học sinh, sinh viên, sau khi đã dũng cảm hứng chịu những xô đẩy và dùi cui để che chở cho các em học sinh nhỏ tuổi hơn đã bị trúng đạn. Anh hy sinh vào lúc 15 giờ 30 phút chiều ngày 09/01/1950 khi chưa tròn 19

tuổi. Cái chết của anh đã gây tiếng vang lớn, có tác động rộng khắp trong phong trào đấu tranh của dân chúng Sài Gòn sau đó.

Với sự kiện lịch sử đó, noi gương và ghi nhận tinh thần đấu tranh bất khuất của anh Trần Văn Ôn và học sinh, sinh viên trong những ngày đầu kháng chiến, Đại hội toàn quốc Liên đoàn thanh niên Việt Nam lần thứ nhất, tháng 2 năm 1950 tại Việt Bắc đã quyết định lấy ngày 09 tháng 01 hàng năm làm Ngày truyền thống học sinh - sinh viên. Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Sinh viên Việt Nam lần thứ V (22-23/11/1993) tại Thủ đô Hà Nội đã quyết định đồng thời lấy ngày 09 tháng 01 làm Ngày truyền thống của Hội Sinh viên Việt Nam.

Ngày truyền thống học sinh - sinh viên là dịp nhìn lại hơn nửa thế kỷ qua, dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, phong trào học sinh, sinh viên và tổ chức Hội sinh viên Việt Nam đã có những cống hiến xuất sắc và trưởng thành vượt bậc qua các thời kỳ lịch sử cách mạng, là niềm tự hào của thế hệ học sinh, sinh viên ngày nay. Với tình hình đại dịch Covid-19 diễn ra trên toàn thế giới và ở Việt Nam từ 2019 đến nay, với tinh thần “*chống dịch như chống giặc*”, dưới sự lãnh đạo toàn diện, sáng suốt của Đảng, sự chỉ đạo linh hoạt, kịp thời của Chính phủ, hai năm qua, học sinh - sinh viên, đoàn viên, thanh niên cả nước đã phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần yêu nước tích cực tham gia, hỗ trợ người dân phòng chống dịch.

Ngày nay, chúng ta đang sống trong một xã hội tốt đẹp kế thừa từ những thành tựu vun đắp của các thế hệ và học sinh, sinh viên đi trước. Chúng ta được hưởng sự bình đẳng, đều có những quyền và nghĩa vụ cơ bản như nhau. Vì thế, chúng ta có cơ hội phát huy mọi khả năng sức lực và trí tuệ của mình. Mỗi người đều có bổn phận, đồng thời phải tự nâng cao năng lực, rèn luyện nhân cách sao cho xứng đáng với bổn phận đó. Để làm được điều này, ai ai cũng phải có nghị lực, có trách nhiệm và đạo đức. Tại các tỉnh thành, mỗi dịp kỷ niệm ngày Truyền thống Học sinh, Sinh viên Việt Nam 9/1, các cấp các ngành, trường đại học cũng như trung học đều có các hình thức hoạt động, tổ chức vinh danh sinh viên, học sinh 5 tốt, với không chỉ những thành tích xuất sắc trong học tập mà còn trong công tác Đoàn, phong trào thanh niên, thực hiện nghĩa vụ và hoạt động cộng đồng.

(*Nguồn: tuyenquang.dcs.vn*)

Chiến thắng Ấp Bắc trong trang sử hào hùng Việt Nam

Bị thất bại thảm hại trong chiến lược “*chiến tranh đơn phương*” ở miền Nam, năm 1961, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “*chiến tranh đặc biệt*”, nhằm dập tắt phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam.



Để thực hiện chiến lược này, chính quyền Mỹ đề ra kế hoạch Staley - Taylor nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng; trong đó, biện pháp quan trọng hàng đầu là tăng cường xây dựng lực lượng quân nguy, dùng lực lượng quân nguy mạnh do cố vấn Mỹ chỉ huy, được một số đơn vị quân Mỹ yểm trợ, áp dụng chiến thuật cơ động bằng máy bay trực thăng và xe thiết giáp (chiến thuật trực thăng vận và thiết xa vận) để nhanh chóng đập tan lực lượng vũ trang cách mạng.

Theo Thượng tướng Trần Văn Trà, chiến thuật trực thăng vận và thiết xa vận nguy hiểm ở chỗ “*với trực thăng chở quân được bố trí tại các căn cứ quân sự có ở khắp nơi, Mỹ có thể đưa quân nguy tấn công vào bất cứ vùng rừng núi hiểm trở hay bưng biển, sông rạch nào trong vòng một vài tiếng đồng hồ một cách bất ngờ; với trực thăng vũ trang, Mỹ có thể bắn phá và chi viện cho quân nguy bằng súng liên thanh và hỏa tiễn từ trên trời bất chấp địa hình và cả thời tiết; xe thiết giáp M.113 là loại xe có vỏ thép chống đạn, được trang bị mạnh, dùng chở bộ binh tấn công đột phá vào trận địa đối phương, lại chạy được trên địa hình bình thường hay lầy lội sông rạch*”; trong khi đó, quân giải phóng và du kích của ta mới chỉ được trang bị súng bộ binh nhẹ và chưa có cách đánh thích hợp cũng như kinh nghiệm để đối phó với những chiến thuật “*tân kỳ*” của địch.

Bằng những nỗ lực chiến tranh điên cuồng, địch đã gây cho lực lượng vũ trang giải phóng nhiều khó khăn và tổn thất. Do đó, việc đề ra một chiến thuật mới để đánh bại chiến thuật “*trực thăng vận*” và “*thiết xa vận*” của Mỹ - nguy là một yêu cầu cấp bách và sống còn của quân dân miền Nam. Trước tình hình đó, ngày 7/9/1962 tại căn cứ Hưng Thạnh (nay thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang), Đoàn cán bộ của Ban Thường vụ Trung ương Cục miền Nam, do Phó Bí thư Võ Chí Công làm trưởng đoàn, đã có cuộc họp với Khu ủy Khu 8 và Tỉnh ủy Mỹ Tho.

Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn chiến trường, tại cuộc họp, sau khi phân tích tương quan lực lượng giữa ta và địch, đồng chí Võ Chí Công có kết luận chỉ đạo về việc chống địch càn quét như sau: *“Địch đã chuyển sang chiến tranh đặc biệt, ta phải tiến hành chiến tranh cách mạng chống chiến tranh đặc biệt của địch. Quy luật chiến tranh của địch là càn quét, ta phải chống càn quét; và chống càn quét phải theo đường lối chiến tranh nhân dân, phải kết hợp ba mũi giáp công (chính trị, vũ trang và binh vận), phải kết hợp ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích) trên thế xã chiến đấu để đánh địch. Lực lượng vũ trang tập trung phải đứng lại đánh càn tiêu diệt địch mà tồn tại, đánh cả với trực thăng và xe bọc thép, không thể tránh càn mà tồn tại. Kinh nghiệm trận Trại Lòn của đại đội 3 tiểu đoàn 261 vì rút lui không đánh mà bị thiệt hại. Do đó, các địa phương phải đề ra chủ trương cho bộ đội đứng lại đánh càn, còn đánh như thế nào thì anh em bộ đội tự tính được”*.

Có được sự chỉ đạo đúng đắn của Ban Thường vụ Trung ương Cục, quân giải phóng miền Nam đã đánh bại nhiều cuộc càn quét của địch, thu được những thắng lợi to lớn, tiêu biểu nhất là chiến thắng Ấp Bắc (xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, nay là tỉnh Tiền Giang).

Ngày 01/01/1963, các đơn vị bộ đội khu và tỉnh tập hợp tại Ấp Bắc để chuẩn bị tấn công áp chiến lược Giồng Dừa (xã Long Định, huyện Châu Thành). Dò biết hoạt động của quân ta, sáng sớm ngày 02/01/1963, địch mở cuộc càn mang tên *“Đức Thắng 1/63”*, đánh vào Ấp Bắc. Chiến trận diễn ra rất ác liệt, bắt đầu từ 5 giờ sáng và kéo dài liên tục đến 20 giờ. Đúng như bài bản của chiến thuật *“trực thăng vận”, “thiết xa vận”*, địch cho pháo binh, máy bay ném bom, bắn phá dọn đường, rồi trực thăng đổ quân có xe thiết giáp đi đầu yểm trợ từ ba mặt thực hiện thế *“bủa lưới, bao vây”*; sau đó, đồng loạt tấn công để *“phóng lao, hợp điểm”* vào Ấp Bắc. Mặc dù vậy, các chiến sĩ của ta vẫn anh dũng và bình tĩnh bám chặt công sự, kiên cường đánh trả từng đợt tiến công điên cuồng của địch.

Sau một ngày kiên cường chống địch càn quét, ta đã giành được thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc: 450 tên, trong đó có 9 cô vấn Mỹ, chết và bị thương; 8 chiếc trực thăng bị bắn rơi, 3 chiếc xe thiết giáp và 1 tàu chiến bị bắn hư, hầu hết số trực thăng tham chiến đều bị trúng đạn, 1 máy bay thám thính bị thương nhẹ.

Giá trị lớn nhất, có ý nghĩa chiến lược của chiến thắng Ấp Bắc là đã cụ thể hóa chỉ đạo của Ban Thường vụ Trung ương Cục miền Nam tại hội nghị ngày 7/9/1962 thành một cách đánh có hiệu quả của lực lượng vũ trang cách mạng trong việc đối phó với những chiến thuật *“tân kỳ”* mà Mỹ - ngụy thực hiện ở miền Nam Việt Nam. Đó là cách đánh không được phân tán, né tránh địch, mà trụ lại, chuẩn bị công sự vững chắc, bám chặt công sự và không được thoát ly khỏi công sự, kiên cường phòng ngự theo phương châm *“phòng ngự công sự điểm tựa vòng tròn”* để đánh bại địch tấn công theo lối *“bủa lưới bao vây”*, trên cơ sở đó, khi thời cơ thuận lợi, tích cực phản kích để giành chiến thắng; trong đó, bao gồm luôn cả việc hoàn thiện kỹ - chiến thuật, nhất là cách bắn máy bay trực thăng và xe thiết giáp, cũng như chuẩn bị tốt công tác tư tưởng

chiến đấu cho bộ đội và du kích. Địch “*bủa lưới, phóng lao*” thì ta phải “*trụ lại, phá lưới, bẻ lao*”.

Sau đó, cách đánh của bộ đội ta tại Ấp Bắc đã được nâng lên thành một kinh nghiệm vô cùng quý báu trong việc đẩy mạnh cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam: “*Vào sâu, đứng lại, đánh càn, giải phóng nông thôn*” hay “*Bao vây, bức rút, bức hàng/Đứng lại đánh càn, giải phóng nông thôn*”.

Như vậy, chiến thắng Ấp Bắc đánh dấu sự chuyển biến về chất của chiến tranh cách mạng ở miền Nam, đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang cách mạng và báo hiệu khả năng đánh thắng những chiến thuật cơ động bằng máy bay lên thẳng và xe tăng, xe thiết giáp của Mỹ - ngụy; đồng thời, nêu bật sức mạnh của lực lượng đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang. Chiến thắng Ấp Bắc chứng tỏ “*Mỹ thấy không thể thắng ta được trong chiến tranh đặc biệt*”.

Chiến thắng Ấp Bắc đã làm cho lòng tin của quân ngụy vào vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại do Mỹ cung cấp và làm cố vấn bị suy sụp. Từ đó, sức chiến đấu của chúng bị giảm sút nghiêm trọng; đế quốc Mỹ cũng thấy không thể thắng cách mạng bằng quân sự. Đúng như Đảng ta nhận định: “*Một điều đặc biệt quan trọng là chúng ta đang làm cho ý chí chiến thắng của địch ngày càng tan rã. Sau chiến thắng Ấp Bắc của ta, đế quốc Mỹ bắt đầu thấy rằng chúng khó thắng được ta. Trong hàng ngũ quân đội đánh thuê và chính quyền tay sai, ngay trong đám cán bộ cao cấp, tư tưởng thất bại ngày càng lan rộng*”.

Chiến thắng Ấp Bắc là nguồn động viên, cổ vũ to lớn đối với tinh thần chiến đấu của quân dân miền Nam. Thượng tướng Trần Văn Trà cho biết: “*Sau trận Ấp Bắc, xe thiết giáp và các loại trực thăng không còn là nỗi kinh hoàng cho mọi người, không còn là bất khả tri nữa. Từng người du kích với khẩu súng trường, từng đơn vị nhỏ với súng liên thanh dám bắn và biết bắn hạ trực thăng theo gương thực tế của các chiến sĩ Ấp Bắc. Tinh thần không sợ và kỹ thuật diệt địch đã được giải quyết trong hàng ngũ quân giải phóng miền Nam*”.

Sau chiến thắng vang dội này, Trung ương Cục phát động cao trào “*Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công*” và được quân dân miền Nam hưởng ứng nhiệt liệt trong việc đẩy mạnh thể chiến lược tiến công, giành được những thắng lợi ngày càng to lớn trên chiến trường.

Chiến thắng Ấp Bắc đã làm cho mâu thuẫn giữa Mỹ và chính quyền Diệm ngày càng sâu sắc, dẫn đến việc Mỹ giật dây cho bọn tướng lĩnh thân Mỹ tiến hành đảo chính, giết chết anh em Diệm - Nhu vào tháng 11/1963, mở đầu cho cuộc khủng hoảng triền miên của ngụy quyền trung ương.

Chiến thắng Ấp Bắc đã mở đường cho việc quân dân ta ở miền Nam tiến lên đánh bại hoàn toàn chiến lược “*chiến tranh đặc biệt*” của Mỹ, tạo nên bước ngoặt quan trọng cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân dân cả nước. Quả đúng như Neil Sheehan viết trong quyển Sự lừa dối hào nhoáng: “*Trận đánh này đã tác động đối với toàn bộ cuộc chiến tranh*”.

(*Nguồn: tuyengiaotiengiang.vn*)

V. THANH NIÊN CẦN BIẾT

Điều chỉnh tăng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cán bộ y tế dự phòng và y tế cơ sở

Theo Nghị quyết số 69/2022/QH15 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, từ ngày 1/1/2023, thực hiện điều chỉnh tăng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cán bộ y tế dự phòng và y tế cơ sở theo Kết luận số 25-KL/TW ngày 30/12/2021 của Bộ Chính trị.

Bỏ quy định nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính

Có hiệu lực từ ngày 1/1/2023, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Nghị định số 104/2022/NĐ-CP bỏ quy định về việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, chủ yếu thuộc nhiều lĩnh vực như: việc làm, bảo hiểm y tế, giáo dục, y tế, đất đai, thuế, nhà ở, nhà ở xã hội, điện lực, nuôi con nuôi... Thay vào đó, khi thực hiện các thủ tục trên, người dân chỉ cần xuất trình một trong các loại giấy tờ: Thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân, giấy xác nhận thông tin về cư trú, giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Có thể đăng ký mua thẻ BHYT tại nhà thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia

Theo Quyết định số 3510/QĐ-BHXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam có hiệu lực từ ngày 1/1/2023, trường hợp chỉ đăng ký tham gia BHYT bao gồm cả đăng ký tham gia lần đầu, đóng tiếp BHYT, thay đổi đối tượng từ nhóm khác sang nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoặc tham gia theo hộ gia đình có thể thực hiện thủ tục đăng ký đóng, cấp thẻ BHYT trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Vì vậy, từ ngày 1/1/2023, người dân có thể ngồi tại nhà đăng ký mua thẻ và đóng tiền BHYT thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia mà không cần đến trực tiếp cơ quan BHXH.

Tuy nhiên, Điều 2 Quyết 3510/QĐ-BHXH quy định, tính năng đăng ký BHYT online trên Cổng dịch vụ công quốc gia chỉ áp dụng cho người tham gia BHYT thuộc diện được ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền đóng BHYT; người thuộc hộ cận nghèo, hộ nghèo đa chiều, hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; người tham